

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-03-2019

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Ưng

Bà Nguyễn Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: Tầng 3, nhà số 27, đường 245, Xin Choang, thành phố Đà Bắc, Đà Loan, vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/03/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2010 anh Trần Ngọc H đi xuất khẩu lao động sang Đà Loan. Từ đó đến nay, vợ

chồng bất đồng về quan điểm sống, có rất nhiều mâu thuẫn và tranh luận dẫn đến tình cảm phai nhạt và không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại, chị Trần Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh Trần Ngọc H có 01 con chung là Trần Đại N, sinh ngày 12/12/2004 . Hiện con chung đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu anh Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Ngọc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có nhiều bản tự khai gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Trong đó có bản tự khai (được chứng thực của văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) trình bày: Anh được chị Trần Thị Thu H thông báo về việc chị đang làm thủ tục ly hôn anh tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Trần Thị Thu H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2010 anh đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Kể từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần và không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị Trần Thị Thu H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thu H có 01 con chung như chị Trần Thị Thu H trình bày là đúng. Hiện con chung đang do chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn anh nhất trí giao con chung là Trần Đại N cho chị Trần Thị Thu H được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng như ý kiến của chị Trần Thị Thu H.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thị Thu H nên trong bản tự khai, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến mẹ của anh là bà Hồ Thị L, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An và bà Long sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thu H hiện cư trú tại tỉnh Nghệ An khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc H hiện đang cư trú tại Đài Loan, trước xuất cảnh, anh Trần Ngọc H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Trần Ngọc H không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai (được chứng thực của văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Trần Ngọc H phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các bản tự khai và tài liệu do anh H cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thu H đã được đọc các bản tự khai của anh Trần Ngọc H gửi từ Đài loan về cho Tòa án và thừa nhận đúng chữ viết, chữ ký của anh Trần Ngọc H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/03/2003, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến tháng 10 năm 2010, anh Trần Ngọc H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Kể từ đó đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần và không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại, chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Ngọc H có 01 con chung là Trần Đại N, sinh ngày 12/12/2004. Hiện tại con chung đang do chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H thỏa thuận và được con chung là Trần Đại N nhất trí như sau: Giao cho chị Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Đại N, sinh ngày 12/12/2004 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, đúng với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Ngọc H không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Giao cho chị Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Đại N, sinh ngày 12/12/2004 (hiện đang do chị Trần Thị Thu H quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng) đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số

0000993 ngày 29/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trần Thị Thu H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Minh Hợp H Quỳnh Hợp
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Văn Quỳnh